

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Bùi Thị Cẩm

2. Bà Lê Thị Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trung Hiếu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 260/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ , sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ dân phố LT, phường PT, thị xã Đức PH, tỉnh Quảng Ngãi;

Bị đơn: Ông Nguyễn Bá X , sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ dân phố TB, phường PT, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn vắng mặt, bị đơn có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 01/02/2023, tại bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Bá X tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường PT, thị xã Đức Phổ vào năm 2001. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó xảy ra bất đồng, cãi vã. Đến đầu năm 2020, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng nguyên nhân là do ông X thay đổi tính cách, không lo làm ăn, thường xuyên gây sự chửi bới đánh đập bà. Nhiều lần bà khuyên giải nhưng ông X vẫn không chịu thay đổi nên bà và ông X sống ly thân từ đầu năm 2022. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và bà không thể chung sống với ông X nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông X.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thị H sinh năm 2003, Nguyễn Thị Ngọc Nhi, sinh ngày 30/7/2005 và Nguyễn Bá H, sinh ngày 17/9/2008. Khi ly hôn bà đồng ý để cháu Nguyễn Thị Ngọc N và cháu Nguyễn Bá H cho ông Nguyễn Bá X nuôi dưỡng, bà Đ tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Bá H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, cấp dưỡng cho cháu Nhi theo quy định của pháp luật. Đối với cháu Nguyễn Thị H đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Bá X trình bày:*

Ông thừa nhận lời trình bày của bà Trần Thị Đ về quan hệ hôn nhân là đúng. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, bà Đ thường xuyên đi sớm về muộn, không chăm lo cho gia đình, không quan tâm đến chồng. Đến tháng 3 năm 2022 bà Đ bỏ về nhà mẹ để sống đến nay, phần ai nấy sống không ai quan tâm đến nhau. Ông không đồng ý ly hôn nhưng bà Đ vẫn cương quyết ly hôn thì ông đề nghị Tòa giải quyết theo yêu cầu của bà Đ.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Ngọc N và Nguyễn Bá H. Khi ly hôn ông đồng ý tiếp tục nuôi hai con là Nguyễn Thị Ngọc N và Nguyễn Bá H. Ông yêu cầu bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nhi và cháu H, mỗi cháu 3.000.000 đồng/tháng. Đối với cháu Nguyễn Thị H đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:*

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Đ, cho bà Đ được ly hôn ông Nguyễn Bá X; giao hai con chung cho ông X trực tiếp nuôi dưỡng; bà Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con chung theo quy định của pháp luật. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Trần Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Bá X ở tổ dân phố Thạch By 2, phường PT, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Đ vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Đ và ông Nguyễn Bá X tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại Ủy ban nhân dân phường Phổ Thạnh, do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông X là hoàn toàn hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, giữa bà Đ và ông X đã sống ly thân một thời gian, phần ai nấy sống, hai bên đã không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Đ và ông X đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đ, cho bà Đ được ly hôn ông X.

[3] Về con chung: Vợ chồng bà Đ và ông X có 3 con chung là Nguyễn Thị H sinh năm 2003, Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 30/7/2005 và Nguyễn Bá H, sinh ngày 17/9/2008, cháu H đã thành niên; còn hai cháu N và cháu Hđang sống với ông X. Cả hai cháu Nhi và Huy đều mong muốn tiếp tục sống với cha. Về phía ông X và bà Đ cũng thống nhất giao hai con cho ông X tiếp tục nuôi dưỡng. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mặt cho các cháu, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cả cháu N và cháu H cho ông X tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Ông X yêu cầu bà Đ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Thị Ngọc N và cháu Nguyễn Bá H, mỗi cháu 3.000.000 đồng/tháng. Bà Đ chỉ thống nhất cấp dưỡng cho cháu H 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng cho cháu N theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu của ông X, xem xét nhu cầu thiết yếu của hai cháu cũng như khả năng của bà Đ, Hội đồng xét xử xét thấy bà Đ phải cấp dưỡng cho cháu N và cháu H, mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp theo Điều 82, 83, 116 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 107 và 116 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị Đ được ly hôn ông Nguyễn Bá X .

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Thị Ngọc N , sinh ngày 30/7/2005 và Nguyễn Bá H , sinh ngày 17/9/2008 cho ông Nguyễn Bá X trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N và cháu H , mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng (*hai triệu đồng/tháng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 07/7/2023 cho đến khi cháu N và cháu H đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên phải thi hành án chậm thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Trần Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005530 ngày 16 tháng 3 năm

2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; bà Đ còn phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- UBND phường Phổ Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Hồng Mỹ**









